

Bản án số: **104/2025/DS-ST**
Ngày: 12 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết
2. Bà Trần Thị Sâm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 70/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Võ Văn P, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Ấp T, xã P1, huyện T1, tỉnh Tiền Giang. Nay là ấp T, xã T1, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

2/ Bị đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1984 và ông Phan Thái B, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Ấp T2, xã M, huyện M1, tỉnh Bến Tre. Nay là ấp T2, xã A, tỉnh Vĩnh Long. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà, nguyên đơn ông Võ Văn P trình bày:

Vào ngày 24 tháng 6 năm 2023, ông có cho vợ chồng bà Đỗ Thị L và ông Phan Thái B vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 24 tháng 12 năm 2023, lãi suất vay thoả thuận bằng lời nói là 3%/tháng. Bà L và ông B có viết và ký tên vào Biên nhận tiền ông đã giao nộp cho Toà án. Tuy nhiên, trong thời gian vay tiền, bà L và ông B không có trả lãi. Khi hết hạn của hợp đồng vay cho đến nay, bà L và ông B cũng không trả tiền gốc mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu.

Do đó, nay ông khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Đỗ Thị L và ông Phan Thái B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền vay gốc là 200.000.000

đồng, yêu cầu tính lãi trong hạn từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 24 tháng 12 năm 2023 với mức lãi suất 1,66%/tháng, yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày hết hạn hợp đồng vay đến ngày Tòa xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Bị đơn bà Đỗ Thị L và ông Phan Thái B vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nên không có lời trình bày, không gửi văn bản nêu ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Võ Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Đỗ Thị L và ông Phan Thái B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền nợ vay và tiền lãi theo hợp đồng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông P cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm bởi việc vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng của bà L và ông B nên ông có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 68 và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà L và ông B có nơi cư trú tại ấp T2, xã M, huyện M1, tỉnh Bến Tre, nay là ấp ấp T2, xã A, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bà L và ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông B.

[5] Xét yêu cầu trả tiền vay của ông P, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông P trình bày vào ngày 24 tháng 6 năm 2023, ông có cho vợ chồng bà L và ông B vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 24 tháng 12 năm 2023, lãi suất vay thỏa thuận bằng lời nói là 3%/tháng. Bà L và ông B có viết và ký tên vào Biên nhận tiền ông đã giao nộp cho Tòa án. Tuy nhiên, trong thời gian vay tiền, bà L và ông B không có trả lãi. Khi hết hạn của hợp đồng vay cho đến nay, bà L và ông B cũng không trả tiền gốc nên ông khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L và ông B đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, biết rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà L và ông B không có ý kiến phản đối và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ

cho Toà án xem xét. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản của nguyên đơn đưa ra thì nguyên đơn không phải chứng minh.

Từ các lý do trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà L và ông B còn nợ ông P số tiền gốc là 200.000.000 đồng như ông P yêu cầu và buộc bà L và ông B có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông P số tiền này là phù hợp.

[6] Xét yêu cầu trả tiền lãi của ông P, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông P cho rằng ông và bị đơn thoả thuận bằng lời nói lãi suất cho vay là 3%/tháng, tuy nhiên trong suốt thời hạn vay bị đơn không trả lãi. Bị đơn không phản đối lời trình bày này của nguyên đơn. Tại phiên toà, ông P chỉ yêu cầu tính lãi trong hạn của số tiền gốc 200.000.000 đồng từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 24 tháng 12 năm 2023 với mức lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 19.920.000 đồng. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng nên phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Hợp đồng vay tài sản giao kết giữa ông P và bà L, ông B không thoả thuận về mức lãi chậm trả nên mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Ông P yêu cầu tính lãi chậm trả của số tiền vay gốc 200.000.000 đồng từ ngày hết hạn của hợp đồng vay đến ngày Toà xét xử là 08 tháng 18 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền 14.276.000 đồng, là phù hợp với các quy định nói trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông P được chấp nhận nên ông P không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà L và ông B có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng số tiền có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 288, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn P.

Buộc bị đơn bà Đỗ Thị L và ông Phan Thái B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Văn P số tiền vay gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, tiền lãi trong hạn là 19.920.000 (mười chín triệu chín trăm hai mươi nghìn) đồng, tiền lãi chậm trả là 14.276.000 (mười bốn triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

Tổng cộng là 234.196.000 (hai trăm ba mươi bốn triệu một trăm chín mươi sáu nghìn) đồng.

Về án phí:

- Bà Đỗ Thị L và ông Phan Thái B có nghĩa vụ liên đới chịu là 11.710.000 (mười một triệu bảy trăm mười nghìn) đồng.

- Hoàn trả cho ông Võ Văn P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.825.000 (sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012175 ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự (3b);
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b)
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân